

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Nghe tiếng Trung trung cấp 2		
Mã học phần:	71MAL540112	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	242_71MAL540112_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	40	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có	☒ Không	

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (40 câu – 5 điểm)

Câu 1: 听句子, 听后判断 A 和 B 哪个与你听到的句子意思相同 (20 题, 每题 0.1 分)

1.

A. 我今天上午不发烧了。

B. 我今天上午发烧了。

ANSWER: A

2.

A. 他的感冒好些了。

B. 他的感冒好了。

ANSWER: A

3.

A. 先化验, 然后开药。

B. 先开药, 然后化验。

ANSWER: A

4.

A. 法语“看病”怎么说?

B. “看病”的英语怎么说?

ANSWER: A

5.

A. 我出门常常坐公共汽车。

B. 我出门不常坐公共汽车。

ANSWER: A

6.

A. 上车以后请刷卡。

B. 上车以前请刷卡。

ANSWER: A

7.

A. 请从前门上车, 后门下车。

B. 请从后门上车, 前门下车。

ANSWER: A

8.

A. 所有地铁站都可以充值。

B. 那个地铁站可以充值。

ANSWER: A

9.

A. 我父亲和母亲一直在农村住。

B. 我父亲和母亲一直住在城市。

ANSWER: A

10.

A. 他们从来没去过大城市, 也没有坐过飞机。

B. 他们从来没去过大城市, 但坐过飞机。

ANSWER: A

11.

A. 飞机十点起飞, 十二点四十分到北京。

B. 飞机十点起飞, 两点四十到北京。

ANSWER: A

12.

A. 她从香港到哈尔滨, 中间在北京玩儿了玩儿。

B. 她从香港到哈尔滨, 想中间在北京玩儿一玩儿。

ANSWER: A

13.

A. 那个电影开始多长时间了?

B. 那个电影你看了多长时间了?

ANSWER: A

14.

A. 已经十一点了, 别唱了。

B. 快十一点了, 别唱了。

ANSWER: A

15.

A. 那个电视剧还有两集就演完了。

B. 那个电视剧还剩十几集就演完了。

ANSWER: A

16.

A. 爷爷跟奶奶说话的时候非常生气。

B. 奶奶跟爷爷说话的时候可生气了。

ANSWER: A

17.

A. 我在网上找了很长时间才找到一个便宜的旅馆。

B. 我在网上找了一个上午才找到一个便宜的旅馆。

ANSWER: A

18.

A. 没有空房间了。

B. 都是空房间。

ANSWER: A

19.

A. 对不起, 现在有单人间, 没有双人间了。

B. 对不起, 现在有双人间, 没有单人间了。

ANSWER: A

20.

A. 很合适, 我们还有两个空房间。

B. 对不起, 我们只有两个房间。

ANSWER: A

Câu 2: 选择正确答案 (20 题, 每题 0.15 分)

1.

A 正在做饭

B 正在购物

C 在擦窗户

D 在收拾厨房

ANSWER: A

2.

A 能力

B 数量

C 知识

D 专业

ANSWER: A

3.

A 太咸了

B 很好喝

C 太辣了

D 非常鲜

ANSWER: A

4.

A 票不好买

B 票很贵

C 没兴趣

D 喜欢打网球

ANSWER: A

5.

A 换裤子

B 戴帽子

C 洗个澡

D 散散步

ANSWER: A

6.

A 姐弟

B 母子

C 父女

D 夫妻

ANSWER: A

7.

A 后天上午

B 明天下午

C 明天晚上

D 今天上午

ANSWER: A

8.

A 是货梯

B 太旧了

C 电梯坏了

D 他们去二层

ANSWER: A

9.

A 搬到院子里

B 要多运动

C 送给邻居

D 再多买几朵

ANSWER: A

10.

A 20 分钟

B 一刻钟

C 40 分钟

D 一个小时

ANSWER: A

11.

A 动物世界

B 人与自然

C 经济与法

D 体育新闻

ANSWER: A

12.

A 饺子

B 米饭

C 面条

D 面包

ANSWER: A

13.

A 很顺利

B 天气很热

C 时间很紧张

D 遇到些麻烦

ANSWER: A

14.

A 办公室

B 宾馆

C 教室

D 商店

ANSWER: A

15.

A 爬山

B 减肥

C 踢足球

D 打篮球

ANSWER: A

16.

A 他熟悉上海

B 他是负责人

C 他是警察

D 他放暑假了

ANSWER: A

17.

A 女的刚回来

B 他们在机场

C 男的很失望

D 男的要上班

ANSWER: A

18.

A 找到一百元

B 被人骗了

C 赚了很多钱

D 被批评了

ANSWER: A

19.

A 小商店

B 洗手间

C 银行

D 吸烟室

ANSWER: A

20.

A 花费

B 旅游

C 饮食

D 健康

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 câu – 5 điểm)

Câu 3: 听两遍课文，回答问题（3 题，每题 1 分）

一、

填空

1. _____,请这边坐!
2. _____点儿什么?
3. 加糖还是加_____?
4. 还要_____吗?

回答问题

1. 几个人喝咖啡?
2. 女的想在咖啡里放了什么?

二、

填空

1. 服务员,还有空_____吗?
2. 对不起,已经都_____了。
3. 还真的有一位客人要_____。
4. 您_____住几天?

回答问题

1. 这个对话发生在哪儿?
2. 男的打算住几天?

三、

填空

1. 到西安的 T15 次还有_____吗?
2. T15_____,18:30 发车的。
3. 请问,如果想退票,应该提前多长时间_____呢?
4. 最晚应该在发车前两个_____。

回答问题

1. 女的要去哪儿？
2. 女的买的是什么出发的车票？

Câu 4: 听两遍课文，回答问题 （4 题，每题 0.5 分）

1. 兔子为什么觉得自己一定会赢？
2. 乌龟在比赛中是如何表现的？
3. 兔子在比赛过程中犯了什么错误？
4. 这个故事告诉我们什么道理？

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		5.0	
Câu 1: 1 – 20	A	0.1	
Câu 2: 1 – 20	A	0.15	
II. Tự luận		5.0	
Câu 3	填空：两位，来，冰，别的 2 个人 牛奶 填空：房间，住满，离开，打算 旅馆 3 天 填空：票，次，办理，小时 西安 18 点 30 分	3.0	
Câu 4	Trả lời câu trả lời đúng trọng tâm, diễn đạt đúng ngữ pháp.	2.0	
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề
Đã kí

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025
Giảng viên ra đề
Đã kí

TS. Phạm Đình Tiến

ThS. Hà Thị Minh Trang